

QUY TẮC BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN MÔ TÔ – XE MÁY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1216/QĐ-PHH ngày 01 /04/2011 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV)

Quy tắc bảo hiểm này áp dụng cho nghiệp vụ bảo hiểm mô tô – xe máy không mang tính chất bắt buộc của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (gọi tắt là “BIC”) đã được Bên mua bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “chủ xe”) lựa chọn và tự nguyện tham gia bảo hiểm.

Trên cơ sở chủ xe yêu cầu bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận, BIC nhận bảo hiểm cho chủ xe theo các điều kiện quy định trong Quy tắc này gồm các loại hình bảo hiểm sau:

- Bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô – xe máy
- Bảo hiểm tai nạn con người theo chỗ ngồi trên mô tô – xe máy.

CHƯƠNG I BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE MÔ TÔ – XE MÁY (Áp dụng mức trách nhiệm vượt mức bắt buộc)

Điều 1: Bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô – xe máy

Bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự (vượt mức bắt buộc) cơ bản được áp dụng theo Quy tắc bảo hiểm bắt buộc TNDS của Chủ xe cơ giới hiện hành do Bộ Tài chính quy định nhưng không bị sự điều chỉnh của Quy tắc này.

Điều 2: Quyền lợi bảo hiểm

1. Thiệt hại về người: Mức trách nhiệm tự nguyện vượt mức bắt buộc tăng thêm tối đa đến 50 triệu đồng.
 - 1.1 Nếu có phán quyết của tòa án: Mức bồi thường được xác định căn cứ vào quyết định của tòa án. Trong mọi trường hợp số tiền bồi thường không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm mà chủ xe tham gia.
 - 1.2 Trong trường hợp không có quyết định của tòa án: Mức bồi thường được tính theo Bảng tỷ lệ thương tật hiện hành của BIC nhưng số tiền bồi thường không được vượt quá số tiền mà các bên thỏa thuận hòa giải.
2. Thiệt hại về tài sản: mức trách nhiệm tự nguyện vượt mức bắt buộc tăng thêm tối đa đến 50 triệu đồng.

CHƯƠNG II BẢO HIỂM TAI NẠN CON NGƯỜI THEO CHỖ NGỒI TRÊN MÔ TÔ – XE MÁY

Điều 3: Đối tượng bảo hiểm

Đối tượng bảo hiểm theo điều khoản này là những người tham gia giao thông bằng phương tiện mô tô – xe máy bao gồm Lái xe và người được chở trên xe (dưới đây gọi là Người được bảo hiểm).

- Lái xe là người điều khiển mô tô – xe máy tham gia giao thông. Lái xe có thể là Chủ xe hoặc người được Chủ xe cho phép sử dụng mô tô – xe máy.
- Người được chở trên mô tô – xe máy là người được Lái xe cho phép ngồi trên xe.
- Mô tô – xe máy đề cập ở đây là tất cả các loại xe hai bánh, mô tô ba bánh được phép hoạt động trên đường bộ bằng động cơ của chính chiếc xe đó trừ xe đạp máy, xe lôi, xe lam, xích lô máy và xe điện.

Điều 4: Phạm vi bảo hiểm

Bảo hiểm cho trường hợp chết hoặc bị thương do tai nạn khi ngồi trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 5: Số tiền bảo hiểm và phí bảo hiểm

- Số tiền bảo hiểm là khoản tiền nhất định do Chủ xe và BIC thỏa thuận để xác định giới hạn trách nhiệm tối đa của BIC khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- Phí bảo hiểm được tính trên cơ sở Số tiền bảo hiểm và số chỗ ngồi trên xe theo biểu phí của BIC.
- Số tiền bảo hiểm và phí bảo hiểm được ghi rõ trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 6: Không thuộc phạm vi bảo hiểm

BIC không chịu trách nhiệm trả tiền bảo hiểm với những thiệt hại về thân thể của chính người được bảo hiểm trong các trường hợp sau:

1. Tai nạn xảy ra ngoài phạm vi bảo hiểm quy định tại Điều 4 trên đây;
2. Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng bảo hiểm cố ý gây tai nạn;
3. Người được bảo hiểm điều khiển xe mà không có giấy phép lái xe hợp lệ (đối với loại xe bắt buộc phải có Giấy phép lái xe);
4. Lái xe sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác mà pháp luật cấm sử dụng; có nồng độ cồn vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Lái xe, người ngồi trên xe bị ảnh hưởng của rượu, bia, ma túy hoặc chất kích thích tương tự khác là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn;
5. Người được bảo hiểm bị cảm đột ngột, trúng gió, bệnh tật (bao gồm cả bệnh truyền nhiễm), ngộ độc thức ăn, đồ uống, sử dụng thuốc không đúng chỉ dẫn của cơ quan y tế là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn;
6. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm; không nhường đường hoặc gây cản trở xe ưu tiên; đi ngược đường một chiều; vượt đèn đỏ; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của người điều khiển giao thông;
7. Xe chở quá số người quy định (trừ trường hợp người điều khiển xe mô tô hai bánh chở một người lớn và một trẻ em dưới 14 tuổi; chở người bệnh đi cấp cứu hoặc áp giải người phạm tội thì được chở tối đa hai người lớn);
8. Sử dụng mô tô – xe máy để đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 03 (ba) xe trở lên; Lái xe buông cả hai tay khi đang điều khiển xe, dùng chân điều khiển xe, ngồi về một bên điều khiển xe, đứng lên xe điều khiển xe, thay người điều khiển xe khi xe đang chạy; điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, xe chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh; Lái xe lạng lách, đánh võng, đuôi nhau dẫn đến tai nạn; tham gia đánh nhau trừ khi được xác nhận đó là hành động phòng vệ chính đáng;

9. Lái xe, người ngồi trên xe nhảy khỏi xe trong quá trình xe đang chạy trừ khi gặp tình huống nguy hiểm bất ngờ;
10. Sử dụng mô tô – xe máy để kéo đẩy xe khác, dẫn dắt súc vật, mang vác, chở vật công kênh, chở hàng trái phép;
11. Trong trường hợp xe qua cầu, qua phà, qua đò xảy ra tai nạn mà nguyên nhân trực tiếp không phải do quá trình điều khiển xe gây ra;
12. Khủng bố, chiến tranh và các nguyên nhân tương tự như chiến tranh: nội chiến, bạo loạn, đình công.

Điều 7: Hợp đồng bảo hiểm

Khi chủ xe tham gia bảo hiểm, BIC cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho từng xe. Giấy chứng nhận bảo hiểm là hình thức của Hợp đồng bảo hiểm và là bằng chứng ký kết Hợp đồng bảo hiểm của BIC đối với Người được bảo hiểm. Việc sửa đổi bổ sung số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm và thời hạn bảo hiểm chỉ có hiệu lực khi BIC chấp thuận và cấp đổi Giấy chứng nhận bảo hiểm mới thay thế Giấy chứng nhận bảo hiểm cũ.

Điều 8: Hiệu lực bảo hiểm

- Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- Trách nhiệm bảo hiểm của BIC chỉ phát sinh khi Chủ xe đã đóng đủ phí bảo hiểm theo quy định.

Điều 9: Trách nhiệm của Người được bảo hiểm

1. Khi xảy ra tai nạn, phải tìm mọi cách báo ngay cho BIC, thông báo bằng văn bản trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn để làm cơ sở giải quyết bồi thường (trừ khi có lý do bất khả kháng);
2. Có trách nhiệm cung cấp thông tin và giúp đỡ cán bộ bảo hiểm trong công tác xác minh tai nạn liên quan đến xe tham gia bảo hiểm;
3. Trường hợp cho người khác mượn xe hoặc thuê xe, phải thông báo cho người đó hiểu rõ những trách nhiệm ở trên.

Điều 10: Quyền lợi của Người được bảo hiểm

Trường hợp tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, BIC trả tiền bảo hiểm như sau:

1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị chết do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: BIC trả toàn bộ Số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm:
 - 2.1 Số tiền bảo hiểm trên 20 (hai mươi) triệu đồng/người/vụ.
 - 2.1.1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: BIC chi trả tiền bảo hiểm theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật hiện hành của BIC.
 - 2.1.2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật tạm thời do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, BIC chi trả tiền bảo hiểm theo chi phí thực tế hợp lý bao gồm chi phí cấp cứu, chi phí điều trị, chi phí bồi dưỡng trong thời gian điều trị (mỗi ngày 0,1% số tiền bảo hiểm, không quá 180 ngày/vụ tai nạn). Tổng số tiền chi trả cho các khoản chi phí nêu trên không vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật hiện hành của BIC

- 2.2 Số tiền bảo hiểm bằng hoặc dưới 20 (hai mươi) triệu đồng/người/vụ: Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: BIC chi trả tiền bảo hiểm theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật hiện hành của BIC.
3. Tại thời điểm xảy ra tai nạn nếu số người thực tế đi trên xe được bảo hiểm vượt quá số người quy định:
- 3.1 Trường hợp xe chở quá 1 trẻ em dưới 7 tuổi: NĐBH được hưởng quyền lợi đầy đủ nhưng tổng số tiền bồi thường không được vượt quá số tiền bảo hiểm được ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 3.2 Trường hợp xe chở quá 1 trẻ em từ 7 tuổi đến dưới 14 tuổi hoặc xe chở người bệnh đi cấp cứu hoặc áp giải phạm nhân mà có thêm một người lớn đi kèm thì Người được bảo hiểm được hưởng quyền lợi bảo hiểm theo tỷ lệ giữa số người được bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm với số người thực tế chở trên xe lúc xảy ra tai nạn.
4. Quyền lợi của Người được bảo hiểm sẽ bị giảm một phần hay toàn bộ Số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
- Khai báo tai nạn chậm quá 05 (năm) ngày kể từ khi bị tai nạn (trừ lý do bất khả kháng);
 - Lái xe/NĐBH khai báo tai nạn không trung thực hoặc không tạo điều kiện để cán bộ BIC tiến hành xác minh hoặc gây cản trở việc xác minh tai nạn của cán bộ BIC liên quan đến hồ sơ yêu cầu bồi thường.
 - Không cung cấp được hồ sơ có xác nhận của cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn (trừ trường hợp NĐBH phải cung cấp được các chứng cứ chứng minh vụ tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm hoặc tạo điều kiện để cho cán bộ BIC xác minh vụ tai nạn nếu thấy cần thiết);
 - Lái xe điều khiển vượt quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông;

Điều 11: Thủ tục yêu cầu trả tiền bảo hiểm

Khi yêu cầu BIC trả tiền bảo hiểm, Chủ xe có trách nhiệm cung cấp cho BIC những tài liệu sau đây:

1. Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường của Chủ xe (theo mẫu của BIC);
2. Bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm, Giấy phép lái xe (đối với trường hợp bắt buộc phải có Giấy phép lái xe theo quy định pháp luật), Giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy tờ liên quan khác (nếu có);
3. Bản sao bộ hồ sơ tai nạn của cơ quan chức năng (nếu có) bao gồm: Sơ đồ hiện trường, Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám nghiệm xe liên quan đến tai nạn giao thông; Biên bản giải quyết tai nạn giao thông; Bản kết luận điều tra.
4. Chứng từ y tế liên quan tới việc điều trị thương tật của Người được bảo hiểm (trường hợp bị thương) hoặc Giấy chứng tử (trường hợp chết);
5. Trường hợp tự gây tai nạn mà không liên quan tới người thứ ba nếu không có hồ sơ tai nạn do cảnh sát giao thông lập thì hồ sơ yêu cầu phải có bản tường trình sự việc của người điều khiển xe mô tô gây tai nạn và có xác nhận của người làm chứng (ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại) và công an hoặc chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn ký, đóng dấu xác nhận..

Điều 12: Hủy bỏ hợp đồng

Trong trường hợp Chủ xe yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm thì phải thông báo bằng văn bản cho BIC trước 15 (mười lăm) ngày. Nếu hợp đồng được hai bên thỏa thuận chấm dứt, BIC sẽ hoàn lại cho Chủ xe 80% phí bảo hiểm của thời gian còn lại với điều kiện đến thời điểm đó chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm nào đối với xe có yêu cầu hủy bỏ hợp đồng.

Điều 13: Thời hạn yêu cầu và giải quyết trả tiền bảo hiểm

1. Thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm; thời hạn xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm.
2. BIC có trách nhiệm xem xét và giải quyết trả tiền bảo hiểm trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ và kéo dài không quá 30 (ba mươi) ngày đối với trường hợp phải xác minh lại hồ sơ.
3. Số tiền bảo hiểm được trả theo thứ tự ưu tiên sau đây: Người được bảo hiểm, Người được chỉ định thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm, những người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm.

Điều 14: Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Thời hiệu khiếu nại về việc giải quyết trả tiền bảo hiểm của BIC là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận tiền hoặc nhận được thông báo trả tiền bảo hiểm hoặc từ chối trả tiền bảo hiểm của BIC. Quá thời hạn trên, mọi khiếu nại không có giá trị.
2. Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là 03 (ba) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên liên quan sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt nam giải quyết.